

Working Paper 2026.1.1.18
- Vol. 1, No. 1

**TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HÓA ĐẾN BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP TẠI CÁC
QUỐC GIA ĐANG PHÁT TRIỂN**

**Hà Huy Phúc¹, Quách Phạm Lan Anh, Trần Tiến Lộc, Nguyễn Thu Trang, Hồ Thị
Phương Uyên**

Sinh viên K62 Kinh tế quốc tế - Khoa Kinh tế quốc tế

Nguyễn Lê Hoàng, Trần Diệu Linh

Sinh viên K62 Kinh tế đối ngoại - Viện Kinh tế và Kinh doanh quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Thị Hải Yến

Giảng viên Khoa Kinh tế quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Toàn cầu hóa đã và đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc định hình các cấu trúc kinh tế - xã hội trên phạm vi toàn cầu. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu này tập trung phân tích tác động của toàn cầu hóa đến bất bình đẳng thu nhập tại 36 quốc gia đang phát triển, chủ yếu thuộc khu vực châu Á, trong giai đoạn 2005-2023. Bằng cách sử dụng dữ liệu bảng và áp dụng các phương pháp ước lượng như Pooled OLS (POLS), mô hình tác động ngẫu nhiên (REM) và mô hình tác động cố định (FEM), kết quả kiểm định Hausman cho thấy FEM là mô hình phù hợp nhất để phản ánh đặc điểm dữ liệu nghiên cứu. Kết quả thực nghiệm cho thấy toàn cầu hóa, cùng với

¹ Tác giả liên hệ, Email: K62.2314410131@ftu.edu.vn

chi tiêu chính phủ, tăng trưởng kinh tế, chất lượng nguồn nhân lực và quá trình đô thị hóa, đều có tác động tích cực đến việc cải thiện phân phối thu nhập, từ đó góp phần làm giảm bất bình đẳng. Ngược lại, tỷ lệ thất nghiệp và tốc độ gia tăng dân số lại có xu hướng làm trầm trọng thêm mức độ bất bình đẳng thu nhập. Những phát hiện này không chỉ góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ phức tạp giữa toàn cầu hóa và bất bình đẳng thu nhập, mà còn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng các chính sách kinh tế - xã hội phù hợp nhằm thúc đẩy tăng trưởng bao trùm và bền vững trong tiến trình hội nhập toàn cầu.

Từ khóa: Toàn cầu hóa, Bất bình đẳng thu nhập, các nước đang phát triển

THE IMPACT OF GLOBALIZATION ON INCOME INEQUALITY IN DEVELOPING COUNTRIES

Abstract

Globalization has been playing an increasingly significant role in shaping socio-economic structures on a global scale. In this context, the study underscores the impact of globalization on income inequality across 36 developing countries during the period 2005-2023. Using panel data and employing estimation techniques such as Pooled Ordinary Least Squares, Random Effects Model, and Fixed Effects Model; the Hausman test confirms that FEM is the most appropriate model for the dataset. The empirical findings provide evidence that globalization - along with government expenditure, economic growth, human capital quality, and urbanization - exerts a positive influence on income distribution, thereby contributing to the reduction of income inequality. In contrast, unemployment rates and population growth tend to exacerbate income disparities. These results facilitate to clarify the complex relationship between globalization and income distribution, while also emphasizing the urgent need for supportive policies to ensure inclusive growth within the broader process of global economic integration.

Keywords: Globalization, Income inequality, developing countries

1. Đặt vấn đề

Toàn cầu hóa đã và đang trở thành một hiện tượng phổ biến, tác động mạnh mẽ đến nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội và chính trị toàn cầu. Quá trình này được xem là xu thế phát triển tất yếu, mở ra nhiều cơ hội cho các quốc gia trong việc tiếp cận thị trường, thu hút đầu tư,

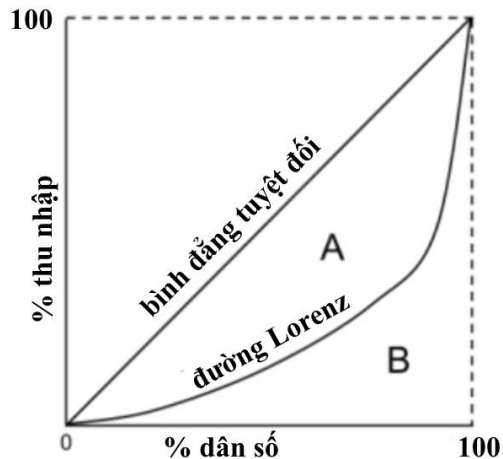
chuyển giao công nghệ và tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, song song với những lợi ích mà toàn cầu hóa mang lại, cũng xuất hiện không ít thách thức, đặc biệt là những tranh cãi xoay quanh tác động của hiện tượng này đến phân phối thu nhập giữa các tầng lớp dân cư và giữa các quốc gia, đặc biệt là nhóm các quốc gia đang phát triển. Nền kinh tế của nhóm nước này đang phải đối mặt với hai thách thức lớn: nhanh chóng ứng dụng công nghệ và giảm thiểu mức độ phân tán trong phân phối thu nhập. Một số quan điểm cho rằng việc hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, từ đó góp phần giải quyết vấn đề bất bình đẳng và các vấn đề khác như nghèo đói, thiếu dân chủ hay ô nhiễm môi trường (Bhagwati, 2004); nhưng một số khác lại cho rằng quá trình này có thể làm gia tăng khoảng cách thu nhập (Borjas, 1994), đặc biệt là giữa các nhóm lao động có trình độ kỹ năng khác nhau, cũng như giữa các vùng lãnh thổ có mức độ phát triển không đồng đều. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết cần phải nghiên cứu, đánh giá một cách toàn diện và khách quan về những tác động thực tế của toàn cầu hóa đối với sự bất bình đẳng thu nhập trong xã hội.

Xuất phát từ thực tiễn đó, đề tài ***“Tác động của toàn cầu hóa đến bất bình đẳng thu nhập tại các quốc gia đang phát triển”*** được nhóm nghiên cứu thực hiện với mục tiêu phân tích xu hướng và mức độ ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến bất bình đẳng thu nhập trên phạm vi 36 nước đang phát triển, với trọng tâm là khu vực châu Á trong giai đoạn 2005 - 2023. Qua đó, đề tài hướng tới việc rút ra những bài học kinh nghiệm có giá trị thực tiễn, phục vụ cho việc xây dựng chính sách phù hợp nhằm giảm thiểu bất bình đẳng thu nhập trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam cũng như các quốc gia đang phát triển.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Bất bình đẳng thu nhập

Bất bình đẳng thu nhập là một trong những vấn đề trung tâm trong nghiên cứu kinh tế - xã hội, phản ánh sự chênh lệch về mức thu nhập giữa các cá nhân, nhóm dân cư hoặc khu vực trong một quốc gia. Bất bình đẳng thu nhập có thể phát sinh từ nhiều yếu tố khác nhau như sự khác biệt về trình độ học vấn, kỹ năng lao động và khả năng tiếp cận cơ hội kinh tế. Để đo lường mức độ bất bình đẳng thu nhập trong kinh tế học, các nhà nghiên cứu thông qua đường cong Lorenz và hệ số Gini. Hai công cụ này bổ trợ lẫn nhau, vừa cung cấp biểu diễn đồ họa, vừa đưa ra một chỉ số định lượng nhằm phản ánh mức độ chênh lệch trong phân phối thu nhập.



Hình 1. Đường cong Lorenz

Nguồn: The IB Economist

Đường cong Lorenz được phát triển bởi Max. O. Lorenz từ năm 1905, biểu diễn mối quan hệ giữa tỷ lệ tích lũy dân số (xếp từ nhóm thu nhập thấp nhất đến cao nhất) trên trục hoành và tỷ lệ tích lũy thu nhập tương ứng mà các nhóm dân số đó nắm giữ trên trục tung. Trong trường hợp phân phối thu nhập hoàn toàn bình đẳng, đường Lorenz sẽ trùng với đường chéo 45 độ. Tuy nhiên trong thực tế, thu nhập thường phân phối không đồng đều, đường Lorenz luôn nằm bên dưới đường bình đẳng tuyệt đối này. Từ đường Lorenz, hệ số Gini được tính dựa trên diện tích giữa đường chéo và đường Lorenz. Cụ thể, Gini được tính theo công thức như sau, với A là diện tích giữa đường chéo và đường Lorenz, còn B là diện tích dưới đường Lorenz:

$$\text{Gini} = A / (A + B)$$

Hệ số Gini dao động từ 0 (bình đẳng tuyệt đối) đến 1 (bất bình đẳng tuyệt đối). Chỉ số này cho phép so sánh mức độ bất bình đẳng giữa các quốc gia hoặc theo thời gian, và thường được sử dụng để đánh giá tác động của các chính sách kinh tế - xã hội. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng hệ số Gini để đại diện cho mức độ bất bình đẳng thu nhập và được thu thập từ bộ dữ liệu SWIID. Việc lựa chọn hệ số Gini cho phép nhóm so sánh mức độ bất bình đẳng giữa các quốc gia và theo thời gian một cách nhất quán

2.2. Toàn cầu hoá

Khái niệm toàn cầu hóa đã có rất nhiều cách diễn giải khác nhau, trong số đó, được chấp nhận rộng rãi và phổ biến nhất ở thời điểm hiện tại là nhận định của Scholt (2008): Toàn cầu hóa là quá trình gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau và hội nhập giữa các nền kinh tế, thị trường, xã hội và

văn hóa của các quốc gia trên toàn thế giới. Quá trình này trở nên khả thi nhờ vào việc dỡ bỏ các rào cản thương mại quốc tế, tự do hóa dòng vốn và sự tiến bộ của công nghệ thông tin và truyền thông. Bên cạnh đó, cũng có rất nhiều các kiểu định nghĩa khác được đưa ra. Từ góc độ xã hội học, Martin Albrow & Elizabeth King (1990) và Roland Robertson (1992) cho rằng toàn cầu hóa là “tất cả các quá trình mà qua đó con người trên toàn thế giới được tích hợp vào một xã hội toàn cầu duy nhất” hay “sự thu nhỏ thế giới và gia tăng nhận thức về thế giới như một tổng thể”.

Theo David Held (1999), toàn cầu hóa có thể hiểu là sự biến đổi trong tổ chức không gian của các mối quan hệ và giao dịch xã hội - được đánh giá theo phạm vi, cường độ, tốc độ và tác động của chúng - tạo ra các dòng chảy xuyên lục địa hoặc liên khu vực. Trong khi đó, Manfred Steger (2009) chỉ ra toàn cầu hóa có thể được định nghĩa dựa trên bốn chiều cạnh thực nghiệm chính là kinh tế, chính trị, văn hóa và sinh thái. Đặc biệt, ông bổ sung thêm khía cạnh thứ năm là ý thức hệ, bao trùm lên bốn lĩnh vực còn lại, gồm nhiều chuẩn mực, tuyên bố, niềm tin và diễn ngôn liên quan đến bản thân hiện tượng toàn cầu hóa.

Tóm lại, toàn cầu hóa là một hiện tượng đa chiều với các biểu hiện khác nhau ở từng lĩnh vực, trong đó yếu tố kinh tế đóng vai trò trung tâm. Chính vì vậy, việc xem xét tác động của toàn cầu hóa đối với bất bình đẳng thu nhập là một hướng nghiên cứu quan trọng để đánh giá tính công bằng và bền vững của quá trình hội nhập quốc tế hiện nay. Trong nghiên cứu này, toàn cầu hóa được đo bằng chỉ số KOF Globalization Index (GLB) - một chỉ số tổng hợp do KOF Swiss Economic Institute xây dựng, bao gồm ba khía cạnh: kinh tế, xã hội và chính trị. Chỉ số này được tính thông qua phương pháp phân tích thành phần chính (PCA) và chuẩn hóa trên thang điểm 1-100. Từ đó, việc sử dụng GLB cho phép phản ánh mức độ hội nhập tổng thể của mỗi quốc gia, phù hợp với phạm vi nghiên cứu đa quốc gia giai đoạn 2005 - 2023.

2.3. Khung lý thuyết về tác động của toàn cầu hoá đến bất bình đẳng thu nhập

Mối quan hệ giữa toàn cầu hóa và bất bình đẳng thu nhập đã được giải thích thông qua nhiều trường phái lý thuyết khác nhau trong kinh tế học. Các lý thuyết này đưa ra những cơ chế tác động đôi khi trái ngược nhau, cho thấy tác động của toàn cầu hóa đến phân phối thu nhập là phức tạp và phụ thuộc vào đặc điểm của từng quốc gia. Trong nghiên cứu này, nhóm vận dụng ba khung lý thuyết chính nhằm lý giải và định hướng xây dựng mô hình thực nghiệm.

2.3.1. Định lý Stolper-Samuelson

Định lý Stolper-Samuelson, được phát triển bởi Wolfgang Stolper và Paul Samuelson năm 1941, giả định rằng các quốc gia sẽ xuất khẩu hàng hóa sử dụng yếu tố sản xuất dồi dào và nhập khẩu hàng hóa sử dụng yếu tố khan hiếm. Khi một quốc gia mở cửa thương mại, giá của hàng hóa xuất khẩu tăng, dẫn đến tăng thu nhập thực tế cho yếu tố sản xuất dồi dào (ví dụ: lao động có kỹ năng cao ở các nước phát triển hoặc lao động không kỹ năng ở các nước đang phát triển). Ngược lại, giá hàng hóa nhập khẩu giảm, làm giảm thu nhập thực tế cho yếu tố khan hiếm.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, thương mại tự do giữa các nước phát triển (vốn dồi dào vốn và kỹ năng) và các nước đang phát triển (vốn dồi dào lao động không kỹ năng) có thể làm tăng bất bình đẳng ở cả hai bên. Ở các nước phát triển, lao động không kỹ năng bị cạnh tranh từ nhập khẩu giá rẻ, dẫn đến giảm lương và mất việc làm, trong khi lao động có kỹ năng được lợi từ xuất khẩu hàng hóa công nghệ cao. Ở các nước đang phát triển, bất bình đẳng có thể giảm nếu lao động không kỹ năng được lợi, nhưng tăng nếu lợi ích tập trung vào tầng lớp có thu nhập cao. Như vậy, lý thuyết này cho thấy tác động của toàn cầu hóa có thể thu hẹp hoặc nới rộng bất bình đẳng tùy cấu trúc kinh tế của từng quốc gia.

2.3.2. Lý thuyết thay đổi công nghệ thiên vị kỹ năng - *Skill-Biased Technological Change*

Lý thuyết thay đổi công nghệ thiên vị kỹ năng (SBTC) được giới thiệu bởi các nhà kinh tế Katz và Murphy (1992), nhấn mạnh rằng sự tiến bộ công nghệ không trung lập mà thiên vị về lao động có kỹ năng cao, dẫn đến tăng nhu cầu đối với lực lượng lao động có trình độ cao hơn. Khi toàn cầu hóa được đẩy mạnh, chuyển giao công nghệ qua FDI và chuỗi cung ứng toàn cầu cũng được thực hiện, dẫn đến áp dụng công nghệ tự động hóa và số hóa. Điều này làm tăng năng suất và lương của lao động có kỹ năng, nhưng giảm nhu cầu lao động không kỹ năng, dẫn đến thất nghiệp cấu trúc và khoảng cách lương rộng hơn.

SBTC giải thích hiện tượng “premium kỹ năng” (skill premium), nơi chênh lệch lương giữa lao động có kỹ năng và không kỹ năng tăng lên. Các doanh nghiệp đa quốc gia chuyển hoạt động thâm dụng lao động sang nước đang phát triển nhưng giữ lại các khâu có giá trị gia tăng cao (R&D, thiết kế, quản lý) ở quốc gia phát triển. Ở các nước đang phát triển, SBTC có thể làm tăng bất bình đẳng nội bộ bằng cách tập trung lợi ích vào nhóm lao động đô thị có kỹ năng, bỏ qua nông thôn. Theo Violante (2016), SBTC không chỉ làm tăng tỷ lệ lương mà còn ảnh hưởng đến phân phối thu nhập tổng thể, với *ceteris paribus* dẫn đến tăng skill premium. Do vậy, toàn cầu hóa làm trầm trọng hóa điều này bằng cách khuyến khích đổi mới công nghệ để cạnh tranh toàn cầu. Do đó, SBTC dự

báo toàn cầu hóa có xu hướng làm gia tăng bất bình đẳng thu nhập, đặc biệt tại những quốc gia có trình độ giáo dục không đồng đều

3. Tổng quan tình hình nghiên cứu

3.1. Tổng quan các nghiên cứu đi trước

Nhiều nghiên cứu đi trước cho thấy tác động của toàn cầu hóa đến bất bình đẳng thu nhập cho thấy kết quả đa chiều: tích cực (giảm bất bình đẳng), tiêu cực (tăng bất bình đẳng), hoặc hai mặt (phụ thuộc vào yếu tố trung gian). Những nghiên cứu này chủ yếu dựa trên dữ liệu thời gian dài từ các quốc gia với cấu trúc nền kinh tế khác nhau và thường tập trung vào các thành phần riêng lẻ của toàn cầu hóa như chỉ số thương mại hoặc FDI, thay vì chỉ số tổng hợp.

3.1.1. Toàn cầu hóa làm tăng bất bình đẳng thu nhập

Đặc biệt trong bối cảnh các nền kinh tế mở cửa nhanh, một số nghiên cứu đã cho rằng toàn cầu hóa góp phần gia tăng bất bình đẳng. Cơ chế được nhấn mạnh nhất ở đây là thay đổi công nghệ thiên về kỹ năng (SBTC). Meschi & Vivarelli (2007) phân tích dữ liệu từ các nước đang phát triển và lập luận rằng thương mại với nước phát triển làm tăng nhu cầu lao động kỹ năng cao, dẫn đến chênh lệch tiền lương gia tăng. Điều này phù hợp với Bergh & Nilsson (2010), vốn kết luận tự do hóa kinh tế (thương mại và tài chính) làm mở rộng khoảng cách thu nhập ở các nước OECD, đặc biệt khi thiếu chính sách điều tiết. Ở các nền kinh tế chuyển đổi, Dorn, Fuest & Potrafke (2018) và Zhou & cộng sự (2011) khi phân tích 60 quốc gia, bao gồm Đông Âu và Trung Quốc cũng tìm thấy mối tương quan dương giữa toàn cầu hóa và hệ số Gini, do hệ thống giáo dục lạc hậu và FDI mang công nghệ cao khiến lao động phổ thông bị thiệt thòi. Đồng thời, Cornia (2003) bổ sung bằng phân tích giai đoạn 1980-2000 ở các quốc gia đẩy mạnh chuyển đổi số, cho thấy tự do hóa và toàn cầu hóa làm lợi ích tập trung vào nhóm nhỏ, dẫn đến mất việc làm và tăng bất bình đẳng. Như vậy, với sự khác biệt về năng lực thể chế, toàn cầu hóa làm tăng bất bình đẳng khi SBTC mạnh và phân bổ lợi ích hội nhập không đồng đều.

3.1.2. Toàn cầu hóa làm giảm bất bình đẳng thu nhập

Tuy nhiên, một số nghiên cứu khác lại cho rằng toàn cầu hóa có thể thu hẹp bất bình đẳng, đặc biệt ở các quốc gia thâm dụng lao động, phù hợp với kết quả của định lý Stolper-Samuelson. Munir & Bukhari (2020) phân tích 11 nền kinh tế mới nổi châu Á (bao gồm Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Việt Nam) và kết luận rằng toàn cầu hóa thương mại và công nghệ góp phần giảm bất bình đẳng thông qua các chính sách mở rộng việc làm và nâng cao năng suất lao động. Tương tự,

Tabash & cộng sự (2024) sử dụng dữ liệu từ 18 quốc gia đang phát triển và cho thấy thương mại quốc tế cùng FDI có thể giảm bất bình đẳng nếu đi kèm với thể chế tốt và cải thiện tiếp cận thị trường cho người nghèo. Những kết quả này được hỗ trợ bởi Heshmati & Lee (2010), vốn nhấn mạnh rằng toàn cầu hóa chỉ giúp giảm bất bình đẳng ở các nước đang phát triển khi có hệ thống giáo dục tiếp cận rộng rãi và chính sách phân phối hợp lý. So sánh với các nghiên cứu ở nước phát triển, Baek & Shi (2016) cũng tìm thấy hội nhập tài chính giúp giảm bất bình đẳng ở 26 nước phát triển giai đoạn 1990-2010 nhờ phân phối nguồn lực hiệu quả, nhưng họ cũng lưu ý rằng lợi ích này được đảm bảo khi chất lượng thể chế vững mạnh - một điểm khác biệt so với các nước đang phát triển nơi thể chế yếu hơn. Vậy nên, khi nền kinh tế thâm dụng lao động và chính sách phân phối lại hoạt động hiệu quả, toàn cầu hóa có khả năng giảm bất bình đẳng.

3.1.3. Toàn cầu hóa có tác động hai chiều tới bất bình đẳng thu nhập

Cuối cùng, một số nghiên cứu nhấn mạnh tính hai mặt của toàn cầu hóa, phụ thuộc lớn vào yếu tố trung gian như thể chế và phúc lợi xã hội. Mahler (2004) không tìm thấy mối liên hệ nhất quán giữa toàn cầu hóa và bất bình đẳng ở nước phát triển, mà nhấn mạnh vai trò của an sinh xã hội và công đoàn trong việc bảo vệ nhóm yếu thế. Tương tự, Dorn, Fuest & Potrafke (2018) cho rằng ở nước phát triển, toàn cầu hóa không nhất thiết tăng bất bình đẳng nhờ thể chế dân chủ và phúc lợi mạnh, nhưng ở nước chuyển đổi thì ngược lại. So sánh với các nghiên cứu ở châu Á, Munir & Bukhari (2020) lưu ý rằng toàn cầu hóa tài chính có thể tăng bất bình đẳng do chỉ nhóm giàu tiếp cận được, trong khi thương mại lại giảm - một sự khác biệt nội tại giữa các thành phần của toàn cầu hóa, đòi hỏi chính sách điều tiết phù hợp để cân bằng. Do đó, toàn cầu hóa không phải nguyên nhân trực tiếp của bất bình đẳng; tác động phụ thuộc vào trình độ nhân lực, mức độ công nghiệp hóa, năng lực thể chế của từng quốc gia.

Qua đó, các nghiên cứu cho thấy tác động của toàn cầu hoá đến bất bình đẳng thu nhập mang tính đa chiều, phụ thuộc vào năng lực thể chế, quản lý nhập khẩu lao động cùng với chính sách phân bổ tiền lương trong từng nền kinh tế có cấu trúc khác nhau. Vì vậy, đòi hỏi một chỉ số toàn cầu hoá mang tính tổng thể để đánh giá tác động trực quan và mức độ hiệu quả khi phối hợp các chính sách của từng nhóm nước

3.2. Khoảng trống nghiên cứu

Mặc dù mối quan hệ giữa toàn cầu hóa và bất bình đẳng thu nhập đã được nghiên cứu trong nhiều bối cảnh khác nhau nhưng đa số nghiên cứu mới chỉ tiếp cận toàn cầu hóa theo từng cấu

phần riêng lẻ, chẳng hạn thương mại, FDI hoặc dòng vốn tài chính mà chưa xem xét toàn cầu hóa như một hiện tượng đa chiều. Việc chưa sử dụng các chỉ số tổng hợp như KOF Globalisation Index khiến khả năng phản ánh đầy đủ mức độ hội nhập quốc tế của một quốc gia bị hạn chế, đồng thời bỏ qua tác động tương tác giữa các chiều cạnh kinh tế, xã hội và chính trị. Bên cạnh đó, chưa có nhiều nghiên cứu tập trung vào nhóm các nước đang phát triển - nơi hội nhập kinh tế diễn ra nhanh chóng nhưng trình độ công nghệ, nguồn nhân lực và thể chế lại ở mức không đồng đều. Đặc biệt trong bối cảnh các nền kinh tế này đang phải đối mặt với thách thức kép: nhu cầu công nghiệp hóa và áp lực giảm bất bình đẳng do thay đổi công nghệ thì các biện pháp và khuyến nghị đang cần được đẩy mạnh nghiên cứu và thực hiện. Đồng thời, một số mô hình thực nghiệm trong tài liệu trước chỉ tập trung vào tác động trực tiếp của toàn cầu hóa mà chưa đưa vào các yếu tố trung gian quan trọng như chất lượng nguồn nhân lực, tốc độ tăng dân số, hay mức độ đô thị hóa - những nhân tố được có ảnh hưởng mạnh đến phân phối thu nhập. Việc thiếu các biến kiểm soát phản ánh đặc trưng thị trường lao động và cấu trúc nhân khẩu học có thể khiến các ước lượng trước đây bị thiên lệch. Vì vậy, dựa trên cơ sở vận dụng, kế thừa những kết quả từ nghiên cứu đi trước, nhóm xây dựng đề tài nghiên cứu về **“Tác động của toàn cầu hóa đến bất bình đẳng thu nhập tại các quốc gia đang phát triển”** với mục tiêu lấp đầy khoảng trống trên. Từ đó đưa ra những chính sách, kiến nghị phù hợp để giảm thiểu bất bình đẳng thu nhập.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

4.1.1. Mô hình nghiên cứu

Trên cơ sở mô hình nghiên cứu về bất bình đẳng thu nhập của Xu & cộng sự (2021) cùng với Johnson (2017), mô hình của nhóm nghiên cứu được điều chỉnh và xây dựng như sau:

$$GINI_{it} = \beta_1 + \beta_2 GLB_{it} + \beta_3 UR_{it} + \beta_4 GDPPC_{it} + \beta_5 POP_gr_{it} + \beta_6 Lb_adv_{it} + \beta_7 Uper_{it} + \varepsilon_{it}$$

Trong đó:

$GINI_{it}$ là chỉ số gini tại quốc gia i , thời điểm t

GLB_{it} là chỉ số toàn cầu hóa tại quốc gia i , thời điểm t

UR_{it} là tỷ lệ thất nghiệp tại quốc gia i , thời điểm t

$GDPPC_{it}$ là chỉ số tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người tại quốc gia i , thời điểm t

POP_gr_{it} là chỉ số về tăng trưởng dân số tại quốc gia i , thời điểm t

Lb_adv_{it} là tỷ lệ phần trăm lao động có trình độ cao trên lực lượng lao động trong độ tuổi tại quốc gia i , thời điểm t

$Uper_{it}$ là tỷ lệ dân thành thị tại quốc gia i , thời điểm t

ε_{it} là sai số ngẫu nhiên

$\beta_1, \beta_2, \beta_3, \beta_4, \beta_5, \beta_6, \beta_7$ là các hệ số hồi quy

Sau khi nghiên cứu, chọn lọc và kế thừa mô hình ở các nghiên cứu đi trước, nhóm nghiên cứu lựa chọn đưa vào mô hình một biến độc lập và các biến kiểm soát, cụ thể, các biến độc lập bao gồm: (1) toàn cầu hóa (GLB), cùng với đó là các biến kiểm soát: (2) tỷ lệ thất nghiệp (UR); (3) tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người ($GDPPC$); (4) tăng trưởng dân số (POP_gr); (5) lực lượng lao động trình độ cao (Lb_adv); (6) Tỷ lệ dân thành thị ($Uper$).

4.1.2. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết 1 (H1): Toàn cầu hóa có tác động không rõ ràng với bất bình đẳng thu nhập

Tác động của toàn cầu hóa lên bất bình đẳng thu nhập là một vấn đề tương đối phức tạp và chưa được chứng minh rõ ràng trong các lý thuyết kinh tế. Theo nghiên cứu của Tabash & cộng sự (2024), toàn cầu hóa có thể làm gia tăng bất bình đẳng thu nhập thông qua sự thay đổi công nghệ thiên về kỹ năng (skill-biased technological change - SBTC), khiến lao động có kỹ năng cao thì nhận được mức lương cao và những lao động có kỹ năng thấp thì bị giảm thu nhập. Mặt khác, định lý Stolper - Samuelson trình bày rằng, khi các quốc gia tham gia vào các hoạt động thương mại quốc tế thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ xuyên biên giới, giúp phân bổ tài nguyên và lao động một cách hiệu quả. Như vậy, ở các nước đang phát triển, tiền lương lao động phổ thông có xu hướng tăng lên do nhu cầu xuất khẩu hàng hóa thâm dụng lao động tăng lên. Vì vậy, tác động của toàn cầu hóa là không rõ ràng.

Giả thuyết 2 (H2): Tỷ lệ thất nghiệp có tác động cùng chiều với bất bình đẳng thu nhập

Theo Cysne (2009), tỷ lệ thất nghiệp cao thường làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng thu nhập qua hiện tượng mất việc làm. Khi thất nghiệp gia tăng, những người lao động mất việc làm sẽ mất đi nguồn thu nhập, trong khi những người có việc làm vẫn duy trì được, dẫn đến sự gia tăng khoảng cách thu nhập giữa các nhóm dân cư. Đồng thời, theo Borat và Leibbrandt

(2001), thất nghiệp là đặc điểm chính giải thích sự khác biệt về nghèo đói tại khu vực Đông Âu và Trung Á, dẫn đến giảm thu nhập nên không đủ điều kiện chi trả cho các nhu cầu cơ bản.

Giả thuyết 3 (H3): Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người có tác động không rõ ràng với bất bình đẳng thu nhập

Theo nghiên cứu của Naguib (2015) cùng với kết quả của giả thuyết Kuznets (1955), mức độ phát triển kinh tế (tính theo GDP) có tác động phức tạp đến sự bất bình đẳng thu nhập theo hình chữ U ngược. Cụ thể, trong giai đoạn đầu của phát triển kinh tế, khi thu nhập bình quân đầu người còn thấp, mức độ bất bình đẳng thường ở mức vừa phải. Tuy nhiên, khi nền kinh tế bắt đầu phát triển, bất bình đẳng có xu hướng gia tăng mạnh mẽ nên cần thúc đẩy tích lũy tư bản thông qua tiết kiệm (những người có thu nhập cao hơn thì có xu hướng tiết kiệm nhiều hơn). Tuy nhiên, khi thu nhập quốc dân tiếp tục tăng, các chính sách phân phối thu nhập bắt đầu phát huy tác dụng nhằm phân phối thu nhập một cách hiệu quả hơn, từ đó thu hẹp khoảng cách giàu nghèo. Do đó, tác động của GDP là không rõ ràng.

Giả thuyết 4 (H4): Chi tiêu chính phủ tác động ngược chiều với bất bình đẳng thu nhập

Theo Clist và Morrissey (2016), chi tiêu chính phủ các tác động tiêu cực đến sự bất bình đẳng thu nhập thông qua chi tiêu vào an sinh xã hội. Đặc biệt được thể hiện rõ ràng thông qua các khoản chi tiêu chính phủ cho các khoản như giáo dục và phúc lợi xã hội, y tế. Theo Artige và Cavenaile (2023), những khoản chi cho giáo dục có thể làm gia tăng nguồn vốn cho con người, đặc biệt ở nhóm lao động có thu nhập thấp, từ đó gia tăng năng suất và thu nhập của họ, góp phần làm giảm bất bình đẳng thu nhập. Những khoản chi này góp phần phân phối lại thu nhập và tạo ra sự phân bổ nguồn vốn một cách đồng đều hơn trong xã hội.

Giả thuyết 5 (H5): Tốc độ tăng trưởng dân số tác động cùng chiều với bất bình đẳng thu nhập

Tăng trưởng dân số nhanh ở các quốc gia đang phát triển thường đi kèm với tỷ lệ dân số trẻ cao, tạo áp lực lên thị trường lao động. Theo kết quả nghiên cứu của Rodgers (1983), dân số trẻ làm tăng nhanh số lượng học sinh, sinh viên. Trong khi đó, ngân sách nhà nước ở mức hạn chế làm các dự án chi tiêu công phục vụ lợi ích xã hội sẽ bị giới hạn. Ngoài ra, theo Wan (2022) tiếp cận theo góc độ di cư nội địa và phân bổ nông thôn - thành thị. Dòng di cư ồ ạt từ vùng nông thôn

nghèo lên thành thị làm tăng áp lực lên hạ tầng thành thị, từ đó thu nhập nông dân chậm tăng, làm gia tăng bất bình đẳng thu nhập giữa 2 khu vực nông thôn - thành thị.

Giả thuyết 6 (H6): Tỷ lệ lao động trình độ cao có tác động cùng chiều với bất bình đẳng thu nhập

Theo nghiên cứu của Tabash & cộng sự (2024), trong bối cảnh tiến bộ công nghệ, bất bình đẳng thu nhập có xu hướng gia tăng, đặc biệt là chênh lệch tiền lương giữa lao động có kỹ năng và lao động phổ thông. Theo Fernandez (1999), mô hình SBTC (skill - biased technological change) giải thích về sự gia tăng bất bình đẳng tiền lương từ cuối những năm 1970 do thay đổi về công nghệ dẫn đến sự dịch chuyển trong cầu lao động tay nghề thấp, dẫn đến sự gia tăng tiền lương đáng kể. Kết quả là, khoảng cách tiền lương giữa nhóm lao động có trình độ cao và thấp hơn tăng lên, làm gia tăng bất bình đẳng tiền lương.

Giả thuyết 7 (H7): Tỷ lệ dân thành thị có tác động ngược chiều với bất bình đẳng thu nhập

Nhóm cư dân khu vực thành thị gia tăng có thể được hình thành và gia tăng thông qua hai cơ chế: (1) Cơ chế di cư từ nông thôn ra thành thị; (2) Hiệu ứng hấp thụ lao động vào các khu vực có thu nhập cao hơn. Đầu tiên, nghiên cứu của Zongsheng và các cộng sự (2025) chỉ ra rằng, việc khuyến khích di cư từ nông thôn ra thành thị góp phần thu hẹp khoảng cách thu nhập thông qua xu hướng giảm của nhóm cư dân có thu nhập thấp ở cả khu vực nông thôn và thành thị. Điều này làm chậm tốc độ tăng trưởng chênh lệch thu nhập trong khu vực nông thôn và có xu hướng dịch chuyển lao động vào khu vực thành thị, từ đó giảm tác động của khoảng cách thu nhập.

4.2. Dữ liệu nghiên cứu

4.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Bài nghiên cứu sử dụng nguồn dữ liệu thứ cấp, với tổng số quan sát là 684, là số liệu trong phạm vi 36 nước đang phát triển với chủ yếu là các nước khu vực Châu Á trong giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2023. Bộ dữ liệu sử dụng cho nghiên cứu bao gồm một biến phụ thuộc GINI (được thu thập từ Standardized World Income Inequality Database - SWIID), biến độc lập chính là toàn cầu hóa (được thu thập từ KOF Swiss Economic Institute) và 6 biến kiểm soát, bao gồm tỷ lệ thất nghiệp, sản phẩm quốc nội bình quân đầu người, chi tiêu chính phủ, tăng trưởng dân số, lực lượng lao động trình độ cao, tỷ lệ dân thành thị (tất cả đều được thu thập từ Ngân hàng Thế giới - World Bank). Cụ thể, chỉ số toàn cầu hoá GLB được tính toán tổng hợp từ ba chỉ số con bao gồm toàn

cầu hoá kinh tế, chính trị và xã hội và được chuẩn hóa bằng cách chuyển đổi thành phân vị (Gygli & cộng sự, 2019) để giảm ảnh hưởng của các giá trị ngoại lệ và đảm bảo tính so sánh giữa các quốc gia. Sau đó, mỗi chỉ số con được gán trọng số riêng qua phương pháp phân tích thành phần chính, toàn cầu hóa kinh tế bao gồm hai thành phần chính là toàn cầu hóa thương mại và toàn cầu hóa tài chính; toàn cầu hóa xã hội có giao tiếp cá nhân, thông tin và văn hóa; toàn cầu hóa chính trị thì tính dựa trên các biến số như số lượng đại sứ quán, thành viên trong các tổ chức quốc tế. Chỉ số cuối cùng được chuẩn hóa trên thang điểm từ 1 đến 100, trong đó 100 thể hiện mức độ toàn cầu hóa cao nhất.

Bảng 1. Các biến được sử dụng trong mô hình

Biến	Tên biến	Ký hiệu	Cách đo lường	Đơn vị	Nguồn	Cơ sở lý thuyết	Kỳ vọng dấu
Biến phụ thuộc	Bất bình đẳng thu nhập	GINI	Tỷ lệ diện tích tạo bởi đường chéo và đường Lorenz		SWIID		
Biến độc lập	Toàn cầu hóa	GLB	Trung bình có trọng số của 3 chỉ số con: kinh tế, xã hội và chính trị	0 -100	KOF Swiss Economic Institute	định lý Stolper - Samuelson và lý thuyết SBTC	-/+
	Tỷ lệ thất nghiệp	UR	Tỷ lệ phần trăm số người thất nghiệp trên tổng lực lượng lao động	%	World Bank	Cysne (2009)	+
	Sản phẩm quốc nội bình quân đầu người	GDPPC	Tổng chi tiêu thực tế cho hàng hóa và dịch vụ cuối cùng chia cho tổng dân số	\$	World Bank	Naguib (2015) giả thuyết đường cong Kuznets (1955)	+/-
	Chi tiêu chính phủ	G	Tỷ lệ phần trăm của chi tiêu tiêu dùng cuối cùng của Chính Phủ trên Tổng sản phẩm quốc nội	%	World Bank	Clist & Morrissey (2016)	-
	Tăng trưởng dân số	POP_gr	Tỷ lệ tăng trưởng dân số	%	World Bank	Rodgers (1983)	+
	Lực lượng lao động trình độ cao	Lb_adv	Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động có trình độ học vấn đại học trên tổng lực lượng lao động trong độ tuổi lao động quy định	%	World Bank	Fernandez (1999) và lý thuyết SBTC	+

	Tỷ lệ dân thành thị	Uper	Tỷ lệ dân số thành thị (theo định nghĩa của World Bank) trên tổng dân số	%	World Bank	Zongsheng (2025)	-
--	---------------------	------	--	---	------------	------------------	---

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

4.2.2. Phương pháp xử lý dữ liệu

Sau khi hoàn tất quá trình thu thập dữ liệu, nhóm nghiên cứu tiến hành xử lý thông tin thông qua phương pháp hồi quy dữ liệu bảng, đồng thời thực hiện các bước kiểm soát những khuyết tật tiềm ẩn của mô hình. Cụ thể, nhóm tiến hành ước lượng mô hình bằng phương pháp POLS, FEM và REM rồi đánh giá và chọn ra mô hình phù hợp nhất. Sau khi lựa chọn được mô hình phù hợp, các kiểm định chẩn đoán như kiểm định phương sai sai số thay đổi, đa cộng tuyến, tự tương quan bậc một và tương quan chéo được tiến hành. Nhằm khắc phục đồng thời hiện tượng phương sai sai số thay đổi và tự tương quan bậc một, nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp tính sai số chuẩn bằng phương pháp xt-regression with Standard errors robust to Serial correlation and Cross-sectional correlation (Driscoll and Kraay, 1998), cho ra mô hình (4) để kiểm soát phương sai và khắc phục tự tương quan.

5. Kết quả nghiên cứu

5.1. Mô tả thống kê và mô tả tương quan

Bảng 2: Mô tả thống kê

Biến	Số quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Gini	598	40.635	7.531	24.4	63.6
GLB	684	62.644	7.319	35.441	81.16
UR	684	8.557	7.434	0.119	37.32
G	684	16.096	11.051	4.809	115.924
POP_gr	684	0.761	1.111	-8.423	3.407
logGDPPC	684	8.307	0.633	6.522	9.569
Lb_adv	684	76.669	10.596	-2.719	141.419
Uper	684	56.909	17.767	18.196	87.788

Nguồn: Nhóm tác giả tự tính toán từ Stata

Chỉ số Gini dao động trong khoảng từ 24,4 đến 63,6, cho thấy sự khác biệt đáng kể về mức độ bất bình đẳng thu nhập giữa các quốc gia trong mẫu. Biến toàn cầu hóa (GLB) có giá trị trung bình tương đối cao nhưng độ lệch chuẩn khá lớn (7,319), phản ánh sự chênh lệch đáng kể trong mức hội nhập kinh tế ở các quốc gia. Trong khi đó, chỉ tiêu chính phủ (G) có độ lệch chuẩn lớn (11,051), cho thấy mức độ chi tiêu công giữa các quốc gia có sự khác biệt rõ rệt, phản ánh vai trò và mức độ can thiệp của nhà nước trong nền kinh tế là không đồng đều. Ngoài ra, tỷ lệ dân số sống ở khu vực thành thị (Uper) có trung bình 56,909% và dao động trong khoảng khá rộng, phản ánh mức độ đô thị hóa khác nhau giữa các quốc gia - một yếu tố có thể ảnh hưởng đến cơ hội tiếp cận việc làm, dịch vụ và thu nhập của người dân.

Một số biến như tốc độ gia tăng dân số (POP_gr) và tỷ lệ lực lượng lao động trình độ cao (Lb_adv) có giá trị âm tại một số biến quan sát, gợi ý khả năng xảy ra hiện tượng suy giảm dân số hoặc giảm tỷ lệ lao động có kỹ năng trong lực lượng lao động. Nhóm nghiên cứu vẫn giữ nguyên giá trị của các chỉ số này để kết quả được kỳ vọng là đáng tin cậy nhất, do đây là những yếu tố có thể tác động tiêu cực đến năng suất lao động, tốc độ tăng trưởng kinh tế và ảnh hưởng gián tiếp đến mức độ bất bình đẳng thu nhập giữa các quốc gia.

Bảng 3: Ma trận tương quan

Biến	Gini	GLB	UR	G	POP_gr	GDPPC	Lb_adv	Uper
Gini	1.000							
GLB	-0.199	1.000						
UR	0.074	0.215	1.000					
G	-0.108	-0.265	0.142	1.000				
POP_gr	0.453	-0.457	-0.393	0.035	1.000			
GDPPC	0.193	0.610	0.218	-0.109	-0.235	1.000		
Lb_adv	0.277	-0.139	-0.159	-0.098	0.082	0.133	1.000	
Uper	0.074	0.410	0.182	-0.070	-0.059	0.690	0.135	1.000

Nguồn: Nhóm tác giả tự tính toán từ Stata

Chỉ số Gini có tương quan âm nhẹ với biến toàn cầu hóa (-0,199), cho thấy toàn cầu hóa có thể góp phần làm giảm bất bình đẳng thu nhập. Gini tương quan dương với tốc độ tăng dân số

(0,453) và tỷ lệ lao động có trình độ cao (0,277), cho thấy những yếu tố này có thể đi kèm với gia tăng bất bình đẳng. Ngoài ra, GDPPC có tương quan trung bình với GLB (0,61) và tỷ lệ đô thị hóa (0,69), phản ánh xu hướng hội nhập và đô thị hóa đi kèm với mức thu nhập cao hơn tại các quốc gia đang phát triển.

5.2. Kết quả và thảo luận

Trước tiên, mô hình được ước lượng bằng phương pháp hồi quy tổng thể (POLS) nhằm thiết lập mô hình cơ sở (mô hình 1) với biến lực lượng lao động trình độ cao được đưa vào mô hình với độ trễ là 3 năm, nhằm phản ánh hợp lý khoảng thời gian cần thiết để giáo dục và đào tạo có thể tạo ra tác động thực chất lên các hiện tượng kinh tế - xã hội, chẳng hạn như bất bình đẳng thu nhập hoặc tăng trưởng kinh tế. Sau đó nhóm tiến hành kiểm định đa cộng tuyến bằng hệ số VIF, kết quả cho thấy $\text{mean VIF} = 1.72 < 10$ chứng tỏ mô hình không mắc đa cộng tuyến. Tiếp theo, để kiểm tra sự tồn tại của các yếu tố không quan sát được ảnh hưởng đến biến phụ thuộc, nhóm nghiên cứu tiến hành ước lượng mô hình theo hai phương pháp: mô hình tác động ngẫu nhiên (REM) và mô hình tác động cố định (FEM), từ đó thu được mô hình (2) và mô hình (3). Kết quả kiểm định Breusch-Pagan Lagrange Multiplier cho thấy mô hình POLS không phù hợp do tồn tại các yếu tố không quan sát được, do đó việc sử dụng REM và FEM là cần thiết. Để xác định mô hình phù hợp hơn giữa REM và FEM, nhóm thực hiện kiểm định Hausman. Với $p\text{-value} = 0.0000$ (bé hơn 5%), FEM được lựa chọn là phương pháp phù hợp nhất.

Bảng 4: Kết quả ước lượng và kiểm định

Tên các biến	(1) POLS	(2) REM	(3) FEM	(4) XTSCC
GLB	-0.2864*** (0.0540)	-0.0954*** (0.0335)	-0.0575* (0.0326)	-0.0575** (0.0199)
UR	0.3628*** (0.0394)	0.0666** (0.0318)	0.0475 (0.0312)	0.0475** (0.0219)
G	-0.1329*** (0.0250)	-0.1080*** (0.0199)	-0.0964*** (0.0196)	-0.0964*** (0.0300)
POP_gr	4.3453*** (0.3016)	0.4623*** (0.1615)	0.3076** (0.1554)	0.3076** (0.1265)
GDPPC	6.8039*** (0.6550)	-3.4984*** (0.6645)	-4.1602*** (0.6576)	-4.1602*** (0.2210)
L3.Lb_adv	0.1621*** (0.0294)	0.0614*** (0.0127)	0.0558*** (0.0121)	0.0558*** (0.0129)

Uper	-0.1142*** (0.0196)	-0.0676** (0.0340)	-0.1144*** (0.0367)	-0.1144*** (0.0197)
Constant	-8.3607* (4.8933)	75.5825*** (4.4816)	82.1867*** (4.3006)	82.1867*** (1.3516)
Observations	490	490	490	490
R-squared	0.4954		0.4059	
VIF	Mean VIF = 1.72			
Breusch and Pagan Lagrangian	Prob > chibar2 = 0.0000			
Hausman	Prob > chi2 = 0.0000			
Phương sai sai số thay đổi	Pr = 0.0000			
Tự tương quan	Prob > chi2 = 0.0000			
Tương quan chéo	Pr = 0.5194			

*** $p < 0.01$, ** $p < 0.05$, * $p < 0.1$

Nguồn: Nhóm tác giả tự tính toán từ Stata

Toàn cầu hoá (GLB) có ý nghĩa thống kê ở mức 5% và mang dấu âm, cho thấy mối quan hệ ngược chiều giữa mức độ toàn cầu hoá và bất bình đẳng thu nhập. Kết quả phản ánh đúng lý thuyết kinh tế quốc tế Stolper - Samuelson. Trong cuốn International Economics của Dominick Salvatore (2016), tác giả nhấn mạnh rằng toàn cầu hoá thông qua việc thúc đẩy thương mại tự do, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và chuyển giao công nghệ sẽ góp phần mở rộng cơ hội việc làm và nâng cao năng suất lao động tại các quốc gia đang phát triển. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu tại những nền kinh tế thâm dụng lao động như Munir & Bukhari (2020) và Tabash & cộng sự (2024), nhưng lại trái ngược với nhóm nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của thay đổi công nghệ thiên về kỹ năng (SBTC) như Jaumotte & cộng sự (2013) hay Bergh & Nilsson (2010). Sự khác biệt này có thể xuất phát từ hai yếu tố: phạm vi nghiên cứu của bài báo gồm 36 quốc gia đang phát triển - nơi mở rộng thương mại có thể tạo thêm nhiều việc làm phổ thông hơn là thúc đẩy công nghệ cao; và sử dụng chỉ số toàn cầu hóa tổng hợp (GLB), phản ánh rộng hơn sự hội nhập về kinh tế, chính trị và xã hội, thay vì chỉ tập trung vào công nghệ hay tài chính như nhiều nghiên cứu

trước. Như vậy, toàn cầu hoá không chỉ là một yếu tố thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn có vai trò tích cực trong việc giảm thiểu bất bình đẳng thu nhập.

Tỷ lệ thất nghiệp (UR) có ý nghĩa thống kê ở mức 5% và mang hệ số dương, đúng với kỳ vọng của nhóm nghiên cứu và phù hợp với nghiên cứu của Cysne (2009) và Bhorat & Leibbrandt (2001). Nguyên nhân có thể xuất phát từ việc thất nghiệp ảnh hưởng nặng nề hơn đến nhóm lao động có kỹ năng thấp và thu nhập thấp, làm gia tăng khoảng cách thu nhập giữa các nhóm dân cư. Ngoài ra, tại các quốc gia đang phát triển khi có tỷ lệ thất nghiệp cao, người lao động thường chấp nhận các công việc có thu nhập thấp hơn hoặc thiếu ổn định, trong khi nhóm lao động có trình độ cao hoặc đã có việc làm ổn định ít bị ảnh hưởng, từ đó kéo giãn chênh lệch thu nhập.

Hệ số của biến tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDPPC) mang dấu âm và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%, kết quả này phù hợp với kỳ vọng của nhóm và một số nghiên cứu gần đây trong bối cảnh hiện đại, khi tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người tăng lên, bất bình đẳng thu nhập có xu hướng giảm - trái ngược với giả thuyết đường cong Kuznets truyền thống. Nghiên cứu của Naguib, 2015 chỉ ra rằng mối liên hệ này không còn phù hợp trong bối cảnh các quốc gia đang phát triển hiện nay đã đạt đến trình độ phát triển đủ cao để chủ động điều tiết phân phối thu nhập thông qua các chính sách kinh tế - xã hội toàn diện. Tăng trưởng kinh tế, nếu đi kèm với môi trường thể chế cởi mở và chính sách phát triển bao trùm, có thể trực tiếp làm giảm bất bình đẳng thay vì khiến nó gia tăng như những cảnh báo ban đầu của Kuznets.

Chỉ tiêu chính phủ (G) mang hệ số âm và có ý nghĩa thống kê tại mức 1%, phù hợp với kỳ vọng ban đầu và phù hợp với kết quả của Clist và Morrissey (2016) cũng như của Artige và Cavenaile (2023). Kết quả này cho thấy vai trò quan trọng của chi tiêu công trong việc làm giảm bất bình đẳng thu nhập, đặc biệt khi ngân sách nhà nước được phân bổ hiệu quả cho các lĩnh vực như giáo dục, y tế và an sinh xã hội, góp phần mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản cho các nhóm thu nhập thấp. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh các quốc gia đang phát triển, nơi mà bất bình đẳng vẫn là một thách thức lớn đối với tăng trưởng bền vững và ổn định xã hội.

Hệ số ước lượng của biến tăng trưởng dân số (POP_gr) có ý nghĩa thống kê ở mức 5% và mang dấu dương, đúng với giả thuyết đặt ra ban đầu của nhóm và nghiên cứu của Rodgers (1983) và Wan (2022). Kết quả này cho thấy rằng khi dân số tăng nhanh, bất bình đẳng thu nhập cũng có xu hướng gia tăng. Khi dân số tăng nhanh, đặc biệt ở các quốc gia đang phát triển, cơ sở hạ tầng

và các dịch vụ xã hội thường không theo kịp tốc độ tăng dân số, dẫn đến tình trạng quá tải và phân bổ nguồn lực kém hiệu quả, gây bất lợi đặc biệt cho các nhóm yếu thế trong xã hội.

Lực lượng lao động trình độ cao ($L3.Lb_adv$) có ý nghĩa thống kê ở mức 1% và mang hệ số dương, phù hợp với kỳ vọng ban đầu của nhóm nghiên cứu và kết quả của Tabash & cộng sự (2024) và Fernandez (1999). Biến số được đưa vào mô hình với độ trễ là 3 nhằm phản ánh thực tế rằng nguồn nhân lực chất lượng cao cần thời gian để hấp thụ, ứng dụng kiến thức chính sách và chuyển hoá thành tác động đến bất bình đẳng thu nhập. Khi tỷ lệ lao động có trình độ cao tăng, bất bình đẳng thu nhập cũng tăng do khoảng cách thu nhập giữa lao động kỹ năng cao và phổ thông ngày càng lớn, nhất là trong nền kinh tế chuyển dịch sang các ngành sử dụng công nghệ và tri thức. Điều này thường xảy ra khi hệ thống giáo dục chưa theo kịp nhu cầu thị trường, dẫn đến phân hóa thu nhập.

Tỷ lệ dân số thành thị ($Uper$) có tác động làm giảm bất bình đẳng thu nhập với ý nghĩa thống kê ở mức 1%, đúng với giả thuyết nghiên cứu ban đầu của nhóm, phản ánh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ ở các quốc gia đang phát triển. Khi quá trình đô thị hóa diễn ra, lao động nông thôn nghèo có nhiều cơ hội hơn để tiếp cận việc làm đa dạng và nâng cao mức sống tại các đô thị. Quan điểm này mở rộng hơn so với mô hình hai khu vực truyền thống, khi xem xét đô thị như một không gian năng động với nhiều cơ hội thu nhập hơn là chỉ là điểm đến của lao động dư thừa. Kết quả này cũng được củng cố bởi nhiều nghiên cứu trước đây như Zongsheng & cộng sự (2025) hay Chen & cộng sự (2016).

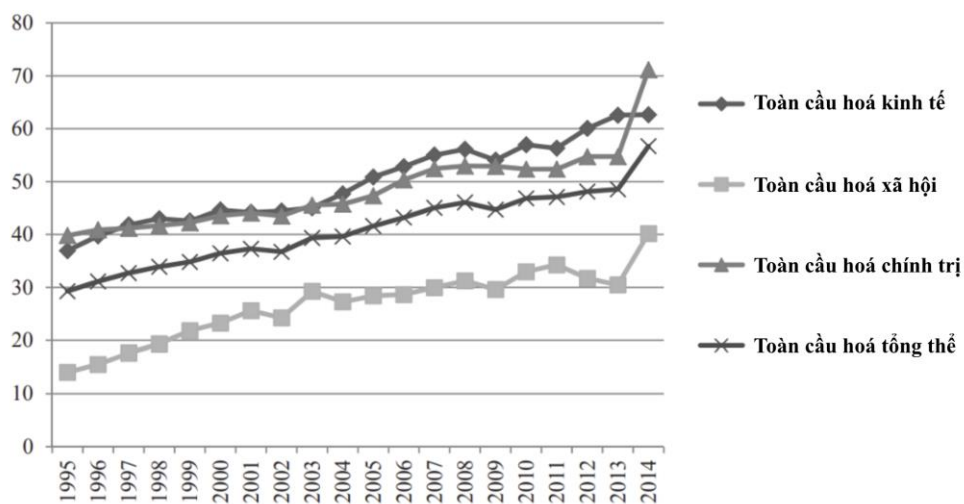
Về mặt tổng quan mức độ tác động của các nhân tố, tốc độ tăng dân số (POP_gr) có hệ số lớn nhất (khoảng 0.30), cho thấy biến động dân số là một trong những yếu tố mạnh nhất làm gia tăng bất bình đẳng tại các nước đang phát triển. Tiếp theo, tỷ lệ thất nghiệp (UR) và lực lượng lao động trình độ cao (Lb_adv) làm sâu sắc hơn mức độ bất bình đẳng thu nhập. Theo chiều ngược lại, chi tiêu chính phủ (G) có hệ số âm tương đối mạnh (khoảng 0.09), cho thấy vai trò quan trọng của các chính sách phúc lợi và đầu tư công trong làm giảm chênh lệch thu nhập. Cùng tới đó, toàn cầu hóa (GLB) và đô thị hóa ($Uper$) đều theo hướng làm giảm bất bình đẳng nhưng hệ số nhỏ hơn. Điều này cho thấy hội nhập quốc tế không phải là yếu tố quyết định duy nhất; tác động cuối cùng phụ thuộc nhiều hơn vào cấu trúc dân số, thị trường lao động và chính sách phân phối.

Từ các kết quả thực nghiệm trên, để giảm thiểu bất bình đẳng thu nhập, các quốc gia đang phát triển có thể cân đối giữa hai chính sách trong việc thúc đẩy toàn cầu hoá và kiểm soát các nhân tố nội tại bên trong nền kinh tế. Cụ thể, toàn cầu hóa chỉ có tác động tích cực khi các quốc gia có khả năng mở rộng việc làm thâm dụng lao động và nâng cao khả năng tiếp cận cơ hội kinh tế cho nhóm thu nhập thấp. Để thực điều này, các ngành xuất khẩu sử dụng nhiều lao động phổ thông cần được khuyến khích và phát triển; thu hút FDI đi kèm điều kiện chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực; đồng thời cải thiện thể chế để phân phối lợi ích hội nhập rộng hơn, hạn chế sự tập trung lợi ích vào nhóm giàu. Như vậy, toàn cầu hóa không tự động làm giảm bất bình đẳng; hiệu quả phụ thuộc vào khả năng tích hợp hội nhập với chính sách thị trường lao động và an sinh xã hội. Bên cạnh đó, các biến kiểm soát trong mô hình cho thấy nhiều yếu tố có tác động đáng kể, các nước đang phát triển cần kiểm soát tốc độ tăng dân số và củng cố hệ thống phúc lợi xã hội; tăng hiệu quả chi tiêu chính phủ trong việc đầu tư công và giảm thất nghiệp thông qua mở rộng thị trường lao động và đào tạo nghề. Việc kết hợp các chính sách nội địa với hội nhập quốc tế sẽ tạo ra cơ chế giảm bất bình đẳng bền vững và hiệu quả hơn.

6. Gợi ý chính sách cho Việt Nam

6.1. Thực trạng về toàn cầu hoá và bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam

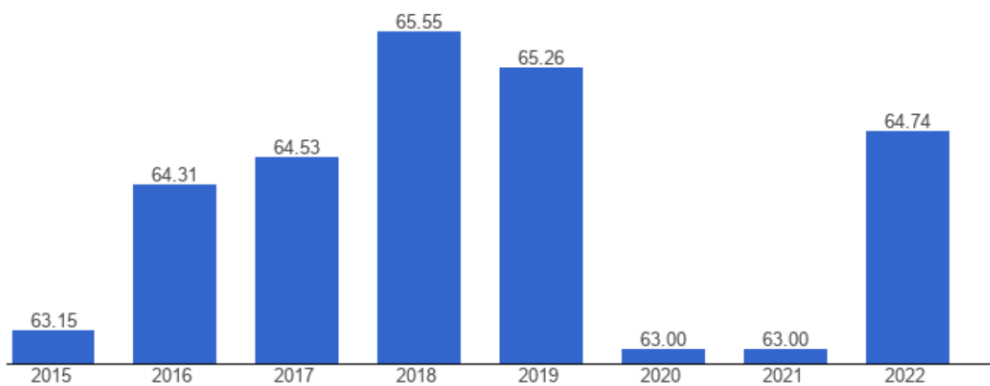
Toàn cầu hóa là một xu thế tất yếu trong quá trình phát triển kinh tế hiện đại tại Việt Nam. Từ một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, Việt Nam đã từng bước chuyển mình trở thành một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với mức độ hội nhập ngày càng sâu rộng.



Hình 2: Chỉ số toàn cầu hóa cụ thể của Việt Nam

Nguồn: Tran, 2018

Với từng góc độ cụ thể, biểu đồ trên cho thấy toàn cầu hóa kinh tế là lĩnh vực nổi bật nhất, tăng đều và đạt mức cao nhất trong số các khía cạnh. Đặc biệt từ sau năm 2001 (khi Việt Nam ký hiệp định thương mại song phương với Hoa Kỳ) và năm 2007 (gia nhập WTO), chỉ số toàn cầu hóa kinh tế tăng rõ rệt, phản ánh mức độ mở cửa thị trường, thu hút FDI và hội nhập vào chuỗi giá trị toàn cầu. Toàn cầu hóa chính trị cũng có xu hướng tăng ổn định trong cùng thời kỳ, cho thấy sự chủ động tham gia nhiều tổ chức quốc tế, ký kết các hiệp định song phương và đa phương không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà còn về hợp tác an ninh, y tế, giáo dục, môi trường. Trong khi đó, toàn cầu hoá xã hội lại tăng với tốc độ chậm và giữ ở mức thấp nhất trong ba khía cạnh, phản ánh mức độ trao đổi thông tin và sự tiếp cận của người dân với thế giới còn hạn chế.

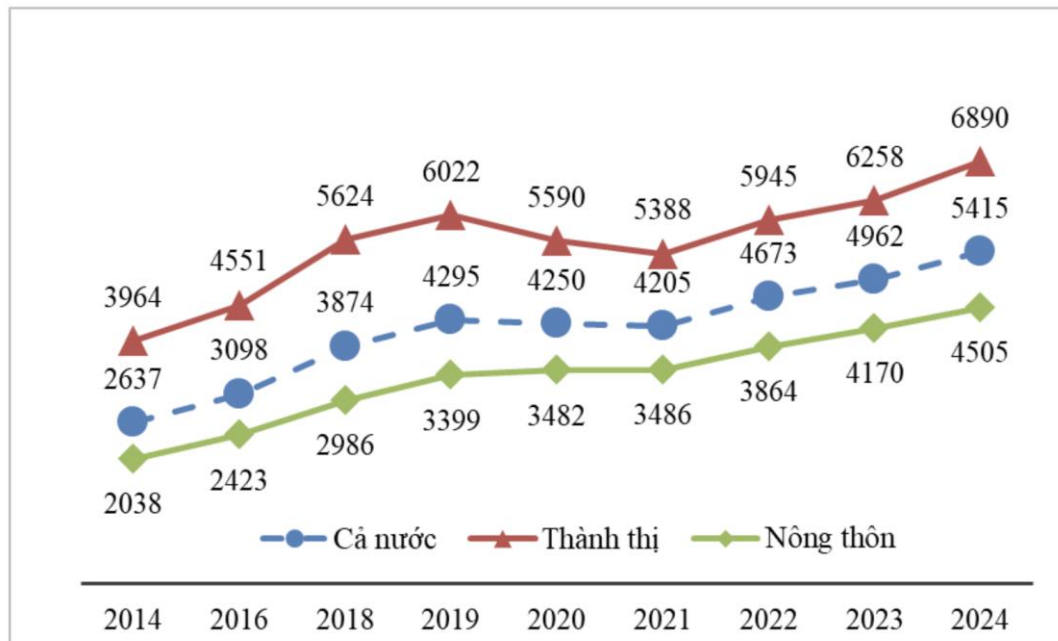


Hình 3: Chỉ số toàn cầu hóa tổng thể của Việt

Nguồn: TheGlobalEconomy.com (2024)

Với xu hướng toàn cầu hóa tổng thể, Việt Nam đã có những bước tiến rõ rệt, đặc biệt trong giai đoạn 2015-2018. Đây là thời kỳ Việt Nam tích cực thúc đẩy hội nhập quốc tế thông qua việc ký kết và thực thi nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, điển hình như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP, ký năm 2018) và Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA, ký năm 2019). Các cam kết này không chỉ mở rộng thị trường xuất khẩu mà còn thúc đẩy cải cách thể chế theo hướng phù hợp với thông lệ toàn cầu. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thông qua cải thiện môi trường kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính và phát triển hạ tầng kinh tế. Tuy nhiên, khi đại dịch COVID-19 bùng nổ, mức độ toàn cầu hoá bị ảnh hưởng nặng nề nhưng đã được khôi phục kể từ năm 2022. Điều này cho thấy chính phủ vẫn tích cực đẩy mạnh hội nhập quốc tế để phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế nói chung.

Về mức độ bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam, theo Tổng cục Thống kê (2025), hệ số Gini của Việt Nam năm 2024 đạt 0,372, duy trì mức trung bình và gần như không đổi so với năm 2023. Tỷ lệ giảm nghèo trong năm 2024 đạt tăng 1,1% so với năm trước và mức chênh lệch thu nhập ở khu vực thành thị thấp hơn nông thôn, với hệ số Gini lần lượt là 0,339 và 0,369. Khu vực có tỷ lệ hộ nghèo và mức bất bình đẳng thu nhập cao nhất là Trung du và miền núi phía Bắc (0,401) và Tây Nguyên (0,405). Trong khi đó, Đồng bằng sông Hồng ghi nhận mức bất bình đẳng thấp nhất, ở mức 0,336.



Hình 4: Thu nhập bình quân đầu người theo tháng của thành thị, nông thôn Việt Nam giai đoạn 2014-2024

Nguồn: Tổng cục thống kê, 2025

Đơn vị tính: nghìn đồng

Bên cạnh đó, thu nhập bình quân của người dân có xu hướng tiếp tục tăng cao cả ở khu vực thành thị và nông thôn trong những năm gần đây. Dù bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động, Việt Nam vẫn đạt được nhiều thành tựu tích cực về cải thiện phúc lợi xã hội, góp phần nâng cao đời sống và thu hẹp khoảng cách giàu nghèo. Năm 2024, thu nhập bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt 5,4 triệu đồng/tháng, tăng 9,1% so với năm 2023 - cao hơn mức tăng 6,2% của năm 2023 so với 2022. Đáng chú ý, khoảng cách giữa thu nhập bình quân cả nước so với khu vực thành thị và nông thôn ngày càng thu hẹp, cho thấy nỗ lực của Chính phủ trong việc đảm bảo công

bằng và đạt mục tiêu kép trong việc tăng trưởng kinh tế và thu hẹp khoảng cách giàu nghèo cho người dân.

Như vậy, trong những năm trở lại đây, toàn cầu hoá có mối tương quan chưa rõ ràng với bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Cụ thể, từ năm 2015-2018 là giai đoạn hội nhập sau WTO, chứng kiến sự mở rộng nhanh của xuất khẩu và FDI nhưng khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn mở rộng đáng kể. Điều này cho thấy công nghệ được chuyển giao chưa đồng đều giữa các nhóm lao động với trình độ tay nghề khác nhau. Khi đại dịch xảy ra, mức độ toàn cầu hoá thu hẹp nhưng khoảng cách chênh lệch giàu nghèo cũng được cải thiện. Do vậy, mối tương quan giữa toàn cầu hoá và bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam chưa được khẳng định rõ ràng nhưng từ sau đại dịch đến nay, toàn cầu hoá ngày càng được đẩy mạnh và mức chênh lệch thu nhập cũng được giảm thiểu, cho thấy kỳ vọng toàn cầu hoá có thể đem lại tác động tích cực trong việc giải quyết vấn đề bất bình đẳng.

6.2. Hàm ý chính sách

6.2.1. Đối với các quốc gia đang phát triển

Trên cơ sở kết quả phân tích mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ bất bình đẳng thu nhập tại các quốc gia đang phát triển, kết hợp với đặc điểm bối cảnh kinh tế - chính trị - xã hội tại Việt Nam, nhóm nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị chính sách nhằm góp phần thu hẹp khoảng cách thu nhập tại Việt Nam cũng như các nước đang phát triển.

Thứ nhất, cần tiếp tục thúc đẩy tiến trình hội nhập quốc tế một cách chủ động, đồng thời xây dựng các chính sách điều tiết nhằm phân phối công bằng hơn các lợi ích từ toàn cầu hóa. Các nhóm yếu thế như lao động không có kỹ năng, doanh nghiệp nhỏ và hộ gia đình nghèo cần được ưu tiên tiếp cận cơ hội từ hội nhập thông qua các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, tín dụng ưu đãi, và đào tạo hội nhập thị trường. Việc nâng cao tính minh bạch, bình đẳng trong tiếp cận các chính sách ưu đãi về thương mại và đầu tư quốc tế sẽ giúp giảm nguy cơ toàn cầu hóa chỉ mang lại lợi ích cho nhóm giàu, qua đó góp phần thu hẹp khoảng cách thu nhập trong xã hội.

Thứ hai, trong hoạt động thương mại quốc tế, cần hạn chế chênh lệch thu nhập thông qua hỗ trợ các ngành thâm dụng lao động như dệt may, da giày, thủy sản - vốn sử dụng rất nhiều lao động phổ thông. Các chính sách hỗ trợ cụ thể bao gồm hỗ trợ kỹ thuật - tài chính, cải thiện điều kiện lao động thông qua thanh tra và các tiêu chuẩn quốc tế, khuyến khích doanh nghiệp nội địa dịch chuyển sang các khâu có giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ ba, đặt mục tiêu đảm bảo lợi ích toàn xã hội song song với mục tiêu tăng trưởng kinh tế, thông qua chính sách phát triển các ngành tạo việc làm cho nhóm thu nhập thấp, cải cách hệ thống thuế - chi tiêu công và đầu tư mạnh vào hạ tầng xã hội tại các vùng kém phát triển. Tập trung tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng, đồng thời xây dựng và phát triển cơ chế điều tiết phân phối thu nhập, đảm bảo người dân đều được hưởng lợi từ kết quả của tăng trưởng kinh tế.

Thứ tư, ưu tiên phát triển hệ thống giáo dục, y tế, nhà ở xã hội tại các khu vực có tốc độ gia tăng dân số nhanh nhằm cân bằng chất lượng sống giữa các khu vực trong bối cảnh dân số Việt Nam vẫn đang tăng không đồng đều giữa các vùng. Đồng thời, cần tăng cường các chương trình đào tạo nghề, hướng nghiệp cho thanh niên vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa để nâng cao trình độ nguồn nhân lực.

Thứ năm, đầu tư mạnh vào giáo dục phổ cập chất lượng cao, mở rộng học bổng và hỗ trợ tài chính cho học sinh, sinh viên ở các vùng khó khăn. Bên cạnh đó, chính phủ cần đẩy mạnh các chính sách đào tạo lại và nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động trung niên, có khả năng bị thay thế bởi sự phát triển của công nghệ.

6.2.2. Đối với Việt Nam

Hiện nay, Việt Nam có nền kinh tế hội nhập nhanh và có mức bất bình đẳng thu nhập tương đối ổn định trong nhiều năm. *Thứ nhất*, kết quả cho thấy toàn cầu hóa có tác động giảm bất bình đẳng, nhưng ở mức độ vừa phải, Việt Nam cần tiếp tục khai thác các hiệp định thương mại tự do, đồng thời chuyển dịch từ gia công sang các khâu có giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Mức độ bất bình đẳng không tăng mạnh trong giai đoạn hội nhập sâu rộng trước đây là nhờ các ngành thâm dụng lao động như dệt may, da giày, điện tử tăng trưởng mạnh, tạo hàng triệu việc làm; vì vậy, Việt Nam nên tiếp tục duy trì lợi thế này trong khi phát triển năng lực công nghệ để tránh rơi vào bẫy SBTC - nơi lao động kỹ năng thấp bị bỏ lại phía sau.

Thứ hai, chi tiêu chính phủ được chứng minh là yếu tố quan trọng nhất trong việc giảm bất bình đẳng, điều này đặc biệt phù hợp với bối cảnh Việt Nam vẫn còn sự chênh lệch đáng kể giữa các vùng miền. Vì vậy, cần ưu tiên ngân sách cho giáo dục cơ bản, y tế cộng đồng và giảm nghèo đa chiều, đặc biệt tại Trung du miền núi phía Bắc và Tây Nguyên - hai khu vực có hệ số Gini cao nhất.

Thứ ba, tác động mạnh của tốc độ tăng dân số và thất nghiệp đối với bất bình đẳng đặt ra yêu cầu Việt Nam phải nâng cao chất lượng thị trường lao động, tăng đào tạo nghề, thúc đẩy kỹ năng số và giảm tình trạng lao động phi chính thức.

Cuối cùng, đô thị hóa tiếp tục là xu hướng quan trọng để giảm chênh lệch thu nhập, nhưng chỉ hiệu quả khi Việt Nam đầu tư mạnh hơn vào hạ tầng đô thị, nhà ở xã hội, giao thông công cộng và dịch vụ cơ bản, nhằm đảm bảo người lao động di cư có thể tiếp cận đầy đủ cơ hội ở thành thị. Như vậy, Việt Nam cần kết hợp giữa tận dụng hội nhập quốc tế, nâng cấp chất lượng lao động và củng cố mạng lưới phúc lợi để đảm bảo tăng trưởng đi đôi với thu hẹp bất bình đẳng

7. Kết luận

Qua việc thu thập và phân tích số liệu từ 36 quốc gia đang phát triển, chủ yếu tại khu vực châu Á trong giai đoạn 2005 - 2023, nhóm nghiên cứu đã sử dụng phần mềm Stata để kiểm định các mối quan hệ giữa các biến kinh tế - xã hội với chỉ số bất bình đẳng thu nhập. Kết quả cho thấy toàn cầu hóa, chi tiêu chính phủ, tăng trưởng kinh tế, chất lượng nguồn nhân lực và quá trình đô thị hóa có tác động giúp cải thiện phân phối thu nhập, trong khi tỷ lệ thất nghiệp và tăng trưởng dân số lại làm gia tăng sự bất bình đẳng. Những phát hiện này hàm ý rằng trong bối cảnh của các quốc gia đang phát triển, đặc biệt tại châu Á, các yếu tố như đầu tư vào giáo dục, quản trị chi tiêu công hiệu quả, kiểm soát tỷ lệ thất nghiệp và tận dụng các cơ hội từ toàn cầu hóa là những hướng đi tiềm năng nhằm thu hẹp khoảng cách giàu nghèo. Nghiên cứu đã cung cấp bằng chứng thực nghiệm về các yếu tố ảnh hưởng đến bất bình đẳng thu nhập tại các quốc gia đang phát triển ở châu Á, góp phần làm rõ hơn bức tranh đa chiều về bất bình đẳng thu nhập trong bối cảnh đang có nhiều tranh cãi học thuật, đồng thời gợi ý các định hướng chính sách cụ thể cho các quốc gia trong khu vực. Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định, như số lượng mẫu quan sát chưa thực sự lớn và chưa bao quát được hết các yếu tố có khả năng tác động đến bất bình đẳng thu nhập, đặc biệt là những yếu tố mang tính thể chế, văn hóa hoặc các cú sốc kinh tế bên ngoài. Do đó, nhóm nghiên cứu hy vọng rằng trong các nghiên cứu tiếp theo, sẽ có sự mở rộng về quy mô dữ liệu, chiều sâu phân tích, cũng như ứng dụng các mô hình kiểm định phi tuyến để làm rõ hơn các mối quan hệ phức tạp giữa bất bình đẳng và các biến kinh tế - xã hội trong bối cảnh phát triển hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Almas, H., & Sangchoon, L. E. E. (2010). The relationship between globalization, economic growth and income inequality. *Journal of Globalization Studies*, 1(2), 87-117.
- Artige, L., & Cavenaile, L. (2023). *Public education expenditures, growth and income inequality* (Preprint). ORBi - University of Liège.
- Baek, I., & Shi, Q. (2016). Impact of economic globalization on income inequality: Developed economies vs emerging economies. *Global Economy Journal*, 16(1), 49-61.
- Bergh, A., & Nilsson, T. (2010). Do liberalization and globalization increase income inequality? *European Journal of political economy*, 26(4), 488-505.
- Bhagwati, J. (2004), *In Defense of Globalization*, Oxford University Press, New York.
- Bhorat, H., & Leibbrandt, M. (2001). *The relationship between unemployment and inequality in South Africa* (Working Paper No. 01/2001). University of Cape Town, Development Policy Research Unit.
- Borjas, G. J., & Ramey, V. A. (1994). Time-Series Evidence on the Sources of Trends in Wage Inequality. *The American Economic Review*, 84(2), 10-16.
- Anderson, E., D'Orey, M. a. J., Duvendack, M., & Esposito, L. (2016). DOES GOVERNMENT SPENDING AFFECT INCOME INEQUALITY? A META-REGRESSION ANALYSIS. *Journal of Economic Surveys*, 31(4), 961-987. <https://doi.org/10.1111/joes.12173>
- Cornia, G. A. (2003). The impact of liberalisation and globalisation on income inequality in developing and transitional economies. *SSRN Electronic Journal*. <https://doi.org/10.2139/ssrn.380347>
- Cysne, R. P. (2009). On the positive correlation between income inequality and unemployment. *The Review of Economics and Statistics*, 91(1), 218-226.
- De Lombaerde, P. (2010), "Stolper-Samuelson Theorem", in Kurian, G.T. (Ed.), *The Encyclopedia of Political Science*, CQ Press, Washington D.C., pp. 1619-1620.
- Dorn, F., Fuest, C., & Potrafke, N. (2018). Globalization and income inequality revisited. *SSRN Electronic Journal*. <https://doi.org/10.2139/ssrn.3143398>
- Driscoll, J. C., & Kraay, A. C. (1998). "Consistent covariance matrix estimation with spatially dependent panel data." *Review of Economics and Statistics*.

Fernandez, R. M. (2001). Skill-Biased Technological Change and Wage Inequality: Evidence from a Plant Retooling. *American Journal of Sociology*, 107(2), 273-320.
<https://doi.org/10.1086/324009>

Gygli, S., Haelg, F., Potrafke, N., & Sturm, J.-E. (2019). The KOF Globalisation Index - revisited. *Review of International Organizations*, 14 (3), 543-574

Jaumotte, F., Lall, S., & Papageorgiou, C. (2013). Rising income inequality: technology, or trade and financial globalization? *IMF economic review*, 61(2), 271-309.

Johnson, K. S. (2017), *Quantitative poverty: Relationship between poverty level and population size, GDP, and Gini coefficient*, Doctoral dissertation, Walden University, Available at Walden University ScholarWorks.

Katz, L. F., & Murphy, K. M. (1992). Changes in relative wages, 1963-1987: Supply and demand factors. *The Quarterly Journal of Economics*, 107(1), 35-78.

Mahler, V. A. (2004). Economic globalization, domestic politics, and income inequality in the developed countries: A cross-national study. *Comparative Political Studies*, 37(9), 1025-1053.

Meschi, E., & Vivarelli, M. (2007). *Globalization and income inequality* (No. 2958). IZA Discussion Papers.

Milanovic, B. (2005). Can we discern the effect of globalization on income distribution? Evidence from household surveys. *The World Bank Economic Review*, 19(1), 21-44.

Munir, K., & Bukhari, M. (2020). Impact of globalization on income inequality in Asian emerging economies. *International Journal of Sociology and Social Policy*, 40(1/2), 44-57.

Naguib, C. (2015). *The relationship between inequality and GDP growth: An empirical approach* (LIS Working Paper Series No. 631). Luxembourg Income Study (LIS).

Nguyễn, T. T. T. H., & Nguyễn, Q. T. (2019). Đánh giá tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam. *Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ*, (8).

Rodgers, G. (1983). Population growth, inequality and poverty. *International Labour Review*, 122(4), 443-460.

Salvatore, D. (2016). *International economics*. John Wiley & Sons.

Stolper, W. F., & Samuelson, P. A. (1941). Protection and real wages. *The Review of Economic Studies*, 9(1), 58-73

Tabash, M. I., Elsantil, Y., Hamadi, A., & Drachal, K. (2024). Globalization and income inequality in developing economies: A comprehensive analysis. *Economies*, 12(1), 23.

TheGlobalEconomy.com (2024). *Vietnam: Overall globalization index*.
https://www.theglobaleconomy.com/Vietnam/kof_overall_glob/, (truy cập ngày 14/5/2025)

Tổng Cục Thống kê Việt Nam (2025) “*Thông cáo báo chí kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2024*” <https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2025/05/thong-cao-bao-chi-ket-qua-khao-sat-muc-song-dan-cu-nam-2024/>, truy cập ngày 21/05/2025.

Tsai, P.-L. (1995). Foreign Direct Investment and Income Inequality: Further Evidence. *World Development*, 23(3), 469-483.

Violante, G. L. (2016). Skill-biased technical change. In S. N. Durlauf & L. E. Blume (Eds.), *The New Palgrave Dictionary of Economics* (2nd ed.). Palgrave Macmillan

Wan, G., Zhang, X. & Zhao, M. (2022), “Urbanization can help reduce income inequality”, npj Urban Sustainability, Vol. 2, Article 1.

Xu, C., Han, M., Dossou, T. A. M., & Bekun, F. V. (2021). Trade openness, FDI, and income inequality: Evidence from sub-Saharan Africa. *African Development Review*, 33(1), 193-203.

Zhou, L., Biswas, B., Bowles, T., & Saunders, P. J. (2011). Impact of globalization on income distribution inequality in 60 countries. *Global Economy Journal*, 11(1), 1850216.

Zongsheng, C., Jie, Z., & Ayaz, M. (2025). A reevaluation of the Inverted-U theory of income distribution in China’s public economy. *China Economic Journal*, 1-40.